

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH
Cải thiện và nâng cao Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương
của tỉnh Hưng Yên

Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (viết tắt là PII - Provincial Innovation Index) được Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và các cơ quan liên quan chính thức triển khai trên phạm vi toàn quốc từ năm 2023. Bộ chỉ số PII cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển kinh tế, xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, là tài liệu hữu ích, cung cấp các căn cứ khoa học và thực tiễn để các địa phương sử dụng trong xây dựng, thực thi các chính sách đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Theo số liệu công bố, Bộ chỉ số PII 2023 của tỉnh Hưng Yên đạt 42,52 điểm, xếp hạng 18/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong đó, điểm mạnh của tỉnh gồm 5 chỉ số thành phần: Tỷ lệ doanh nghiệp có chứng chỉ ISO/1000 doanh nghiệp; Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10000 dân; Đơn đăng ký nhãn hiệu/1000 doanh nghiệp; Đơn đăng ký thiết kế kiểu dáng công nghiệp/10000 dân; Tốc độ tăng năng suất lao động. Có 5 chỉ số thành phần còn yếu gồm: Chi phí gia nhập thị trường; Chi cho nghiên cứu và phát triển/GRDP (%); Cơ sở hạ tầng cơ bản; Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn khoa học và công nghệ/1000 doanh nghiệp; Tỷ lệ các dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/1000 doanh nghiệp (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

Để tiếp tục cải thiện và nâng cao thứ hạng đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Cải thiện, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh Hưng Yên. Triển khai một cách đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đề ra các giải pháp sử dụng bộ chỉ số để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1.2. Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của cấp, các ngành, địa phương về Chỉ số PII, về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời triển khai nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

2. Mục tiêu cụ thể: Phần đầu thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đạt chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 và duy trì thứ hạng này những năm tiếp theo.

II. NHIỆM VỤ

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan

Rà soát các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị, địa phương quản lý; chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai có hiệu quả ở cấp địa phương, đơn vị đạt mục tiêu đề ra, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí và chỉ tiêu thành phần theo lĩnh vực của đơn vị, địa phương được phân công: *Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.*

2. Sở Khoa học và Công nghệ

2.1. Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần: “Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST) phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh (Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đổi mới công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tài sản trí tuệ; phát triển thị trường công nghệ)”; “Số tổ chức KH&CN/10.000 dân”; “Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)”; “Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp”; “Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo”; nhóm chỉ số “Tài sản vô hình”; “Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN”; “Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” và các chỉ số liên quan.

2.2. Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

2.3. Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2.4. Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp KH&CN; nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

3.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

3.2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động khởi nghiệp sáng tạo nhằm nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

3.3. Tham mưu bố trí kinh phí đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương cho các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện phân bổ vốn theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

4.1. Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KH&CN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh, tuyên truyền, khuyến khích nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh THCS và THPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

4.2. Phối hợp với Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh: Tham mưu nâng cao chất lượng, hiệu quả Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng hàng năm, có giải pháp phù hợp để nâng cao tỉ lệ học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật do tỉnh và cơ quan trung ương tổ chức.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu ban hành các chính sách, chương trình phát triển cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, thu hút các dự án đầu tư góp phần tăng tỉ lệ các dự án đầu tư trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Rà soát, tham mưu chính sách phát triển dịch vụ logistics.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ phát triển kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động KH, CN&ĐMST trong tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, phát triển chất lượng các sản phẩm OCOP.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

7.1. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, nhiệm vụ về chuyển đổi số.

7.2. Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần Hạ tầng số (Chỉ số Chuyển đổi số-DTI) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; Chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp Viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

8. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện nhiệm

vụ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu các giải pháp thực hiện nâng cao chỉ số thành phần “Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo” và “Số lao động có việc làm trong nền kinh tế”.

10. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh, cải thiện chỉ số “Quản trị môi trường”.

12. Cục thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu phục vụ báo cáo Bộ Chỉ số PII tỉnh Hưng Yên.

13. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hưng Yên, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Hưng Yên

Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao chỉ số thành phần về tín dụng cho khu vực tư nhân, vay tài chính vi mô, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp.

14. Đề nghị Hội nông dân tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên minh hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Đẩy mạnh triển khai các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao chỉ số thành phần về tín dụng cho khu vực tư nhân, vay tài chính vi mô, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức liên quan:

1.1. Xác định việc cải thiện, nâng cao Chỉ số PII là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch này gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành, đơn vị trong năm 2024 và những năm tiếp theo. Phân công đơn vị, cán bộ làm

đầu mỗi thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện cải thiện chỉ số PII thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

1.2. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này. Căn cứ nhiệm vụ được giao, bám sát nhiệm vụ và xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện đối với từng chỉ số thành phần của Chỉ số PII trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

2.1. Theo dõi, đôn đốc, việc thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể của Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2.2. Hàng năm, thực hiện rà soát danh sách cán bộ đầu mối của các đơn vị để đảm bảo hiệu quả phối hợp trong quá trình triển khai Kế hoạch này.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ kèm theo Kế hoạch này. Cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ).

Thủ trưởng các sở, ban, ngành trong tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC 1
Kết quả đánh giá bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương
năm 2023 của tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6 /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 có 52 chỉ số, chia làm 7 trụ cột bao gồm:

- 05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, cụ thể:

Trụ cột 1. Thể chế gồm hai nhóm chỉ số 1.1. Môi trường chính sách (có 3 chỉ số thành phần) và 1.2. Môi trường kinh doanh (có 4 chỉ số thành phần).

Trụ cột 2. Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển gồm hai nhóm chỉ số 2.1. Giáo dục (có 3 chỉ số thành phần) và 2.2. Nghiên cứu và Phát triển (có 4 chỉ số thành phần).

Trụ cột 3. Cơ sở hạ tầng gồm hai nhóm chỉ số 3.1. Hạ tầng ICT (có 2 chỉ số thành phần) và 3.2. Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái (có 3 chỉ số thành phần).

Trụ cột 4. Trình độ phát triển của thị trường gồm hai nhóm chỉ số 4.1. Tài chính và Đầu tư (có 4 chỉ số thành phần) và 4.2. Quy mô thị trường (có 3 chỉ số thành phần).

Trụ cột 5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp gồm ba nhóm chỉ số 5.1. Lao động có kiến thức (có 3 chỉ số thành phần), 5.2. Liên kết sáng tạo (có 3 chỉ số thành phần), 5.3. Hấp thu tri thức (có 3 chỉ số thành phần).

- 02 trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phát triển KT-XH, cụ thể:

Trụ cột 6 có ba nhóm chỉ số gồm 6.1. Sáng tạo tri thức (có 2 chỉ số thành phần), 6.2. Tài sản vô hình (có 4 chỉ số thành phần), 6.3. Lan tỏa tri thức (có 3 chỉ số thành phần).

Trụ cột 7. Tác động có hai nhóm chỉ số gồm 7.1. Tác động đến sản xuất - kinh doanh (có 4 chỉ số thành phần) và 7.2. Tác động đến KT-XH (có 4 chỉ số thành phần).

Dữ liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số PII 2023 được lấy từ hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất từ số liệu thống kê, quản lý nhà nước được công bố chính thức từ các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức ở trung ương (có 39/52 chỉ số) và nguồn thứ hai do các địa phương thu thập và cung cấp - kèm theo các tài liệu minh chứng (có 13/52 chỉ số).

Kết quả đánh giá 52 chỉ số của tỉnh Hưng Yên năm 2023 cụ thể như sau (Số liệu này căn cứ vào kết quả tính toán của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo):

2.1. Trụ cột 1. Thẻ chế gồm 02 nhóm chỉ số, gồm 07 chỉ số thành phần: đạt **54,41** điểm, xếp thứ hạng **22/63** tỉnh/thành phố; Điểm các chỉ số thành phần cụ thể như sau:

2.1.1 Chỉ số Môi trường chính sách có 03 chỉ số thành phần:

(1) *Chỉ số Chính sách thúc đẩy KH, CN & ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội (STI)* đạt 58,27 điểm;

(2) *Thiết kế pháp lý và an ninh trật tự* đạt 72,91 điểm;

(3) *Chính sách hỗ trợ DNNVV* đạt 40,08 điểm;

2.1.2 Chỉ số Môi trường kinh doanh có 04 chỉ số thành phần:

(1) *Chi phí gia nhập thị trường* đạt 10,79 điểm;

(2) *Tính năng động của chính quyền* đạt 40,39 điểm;

(3) *Cải cách hành chính* đạt 76,82 điểm;

(4) *Cạnh tranh bình đẳng* đạt 78,92 điểm.

** Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:* Có **04/07** chỉ số thành phần đạt số điểm cao: *Chính sách thúc đẩy KH, CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội; Thiết kế pháp lý và an ninh trật tự; Cải cách hành chính; Cạnh tranh bình đẳng.*

- *Điểm yếu:* Có **03/07** chỉ số thành phần có điểm số thấp gồm:

+ Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Đây là chỉ số Đánh giá các thủ tục để được hỗ trợ trong khuôn khổ: gồm 07 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; Hội nhập kinh tế quốc tế: gồm 04 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: gồm 02 chỉ tiêu có dữ liệu từ Tổng cục thuế.

+ Tính năng động của chính quyền: Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xây dựng và công bố hàng năm. Gồm 09 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp (mức độ ổn định, nhất quán của môi trường kinh doanh của địa phương; mức độ tin tưởng việc chính quyền địa phương các cấp đã thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; cảm nhận của doanh nghiệp về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân; tính linh hoạt của chính quyền trong tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp...).

+ Chi phí gia nhập thị trường: Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường gồm (1) Thủ tục đăng ký doanh nghiệp: gồm 09 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; (2) Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện:

gồm 05 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; (3) Gánh nặng Chi phí gia nhập thị trường chung: gồm 05 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp.

2.2. Trụ cột 2. Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển gồm 02 nhóm chỉ số, có 7 chỉ số thành phần: đạt **27,76** điểm, xếp thứ hạng **38/63** tỉnh/thành phố; Điểm các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

2.2.1 Chỉ số Giáo dục có 03 chỉ số thành phần:

(1) Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT đạt 52,36 điểm;

(2) Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT đạt 36,10 điểm;

(3) Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học đạt 23,69 điểm;

2.2.2. Chỉ số Nghiên cứu và Phát triển có 04 chỉ số thành phần:

(1) Nhân lực NC&PT (toàn thời gian) đạt 34,66 điểm;

(2) Tỷ lệ chi cho KH&CN đạt 17,68 điểm;

(3) Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đạt 2,37 điểm;

(4) Số tổ chức KH&CN đạt 17,79 điểm.

* Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:

- Điểm mạnh:

+ Có **01/07** chỉ số thành phần đạt điểm cao gồm: Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT.

- Điểm yếu: Có **03/07** chỉ số thành phần có điểm số thấp gồm:

+ Nhân lực NC&PT (toàn thời gian): là những người tham gia trực tiếp vào hoạt động NC&PT trong cơ quan/tổ chức và được trả tiền (được thanh toán) cho dịch vụ của họ, bao gồm cán bộ nghiên cứu, nhân viên kỹ thuật, và nhân viên hỗ trợ.

+ Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT: Tỷ lệ học sinh THCS và THPT tham gia các cuộc nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp huyện (trên tổng số học sinh THCS và THPT toàn địa phương).

+ Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D): Về nguồn cấp kinh phí, bao gồm các khoản chi từ ngân sách nhà nước, từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước, từ nguồn nước ngoài. Về loại chi, gồm chi đầu tư phát triển, chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác.

+ Chi cho GD&ĐT: Phản ánh mức độ quan tâm của địa phương tới việc đầu tư, xây dựng nguồn nhân lực tại địa phương;

+ Chỉ số Tỷ lệ chi cho KH&CN: phản ánh mức độ quan tâm của địa phương tới việc đầu tư, thực hiện các hoạt động KH&CN&ĐMST;

+ Chỉ số số tổ chức KH&CN: phản ánh là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký theo quy định của pháp luật (*đăng ký tại Sở Khoa học và Công nghệ và Bộ KH&CN*).

2.3. Trụ cột 3. Trụ cột Cơ sở hạ tầng gồm 02 nhóm chỉ số, có 5 chỉ số thành phần: đạt **49,42** điểm, xếp thứ hạng **32/63** tỉnh/thành phố; Điểm các chỉ số thành phần cụ thể như sau:

2. 3.1 Chỉ số Hạ tầng ICT có 02 chỉ số thành phần:

(1) *Hạ tầng số đạt 49,28 điểm;*

(2) *Quản trị điện tử đạt 69,51 điểm.*

2. 3.2 Chỉ số Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái có 03 chỉ số thành phần: (1) *Cơ sở hạ tầng cơ bản đạt 24,47 điểm;*

(2) *Tỉ lệ diện tích đất CN đã được xây dựng kết cấu hạ tầng đạt 65,05 điểm;*

(3) *Quản trị môi trường đạt 28,8 điểm.*

** Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:* Có **03/05** chỉ số thành phần đạt số điểm ở mức cao.

- *Điểm yếu:* Có **02/05** chỉ số thành phần “Cơ sở hạ tầng cơ bản”, “Quản trị môi trường” có điểm số thấp hơn các chỉ số thành phần khác.

+ Cơ sở hạ tầng cơ bản: Chỉ số cơ sở hạ tầng do VCCI xây dựng và công bố trong Báo cáo PCI (nhưng không được đưa vào tính toán điểm số và xếp hạng PCI). Chỉ số này được xây dựng dựa trên kết hợp nguồn thông tin của cơ quan nhà nước và khảo sát doanh nghiệp. Chỉ số Cơ sở hạ tầng trong PCI 2022 gồm 05 chiều cạnh: (i) Hạ tầng khu công nghiệp; (ii) Hạ tầng đường bộ; (iii) Hạ tầng điện năng; (iv) Hạ tầng viễn thông; (v) Các loại hạ tầng khác.

+ Quản trị môi trường: Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh Việt Nam (PAPI) được UNDP và các tổ chức đối tác nghiên cứu xây dựng từ năm 2008. Chỉ số PAPI có 8 trục, trong đó Trục 7 là Quản trị môi trường. Trục Quản trị môi trường gồm 3 nhóm chỉ số: (i) nghiêm túc trong bảo vệ môi trường; (ii) chất lượng nước; (iii) chất lượng không khí.

2.4. Trụ cột 4. Trụ cột Trình độ phát triển của thị trường gồm 02 nhóm chỉ số, có 7 chỉ số thành phần: đạt **35,86** điểm, xếp thứ hạng **25/63** tỉnh/thành phố; Điểm các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

2.4.1 Chỉ số Tài chính và đầu tư có 04 chỉ số thành phần:

(1) *Tín dụng cho khu vực tư nhân đạt 27,77 điểm;*

(2) *Vay tài chính vi mô đạt 87,78 điểm;*

(3) *Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN đạt 35,32 điểm;*

(4) Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đạt 26,53 điểm.

2. 4.2 Chỉ số Quy mô thị trường có 03 chỉ số thành phần:

(1) Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN đạt 14,04 điểm;

(2) Mật độ doanh nghiệp đạt 41,35 điểm;

(3) Đóng góp vào GDP cả nước đạt 26,72 điểm.

* Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:

- Điểm mạnh:

+ Có **02/07** chỉ số thành phần đạt điểm số cao: Vay tài chính vi mô, Mật độ doanh nghiệp.

- Điểm yếu: Có **05/07** chỉ số thành phần điểm số thấp gồm:

+ Chỉ số Tín dụng cho khu vực tư nhân: phản ánh sự sẵn có và mức tín dụng tiếp cận được ở địa phương nhằm phục vụ sản xuất - kinh doanh, bao gồm thực hiện hoạt động ĐMST ở địa phương. Dư nợ tín dụng của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có trụ sở/chi nhánh ở địa phương: là toàn bộ số dư bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại một thời điểm cụ thể của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với các pháp nhân, cá nhân là cư trú của Việt Nam thuộc khu vực tư nhân và là khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình;

+ Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp: Phản ánh mức đầu tư phục cho sản xuất kinh doanh hàng năm, trong đó có các hoạt động ĐMST của doanh nghiệp ở địa phương. Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là số tiền ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tổng số vốn tự có (nguồn vốn chủ sở hữu) của doanh nghiệp và các khoản nợ phải trả (các khoản nợ vay và nợ phải trả khác). Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của doanh nghiệp được tính bằng bình quân vốn kinh doanh của thời điểm đầu năm và cuối năm

+ Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN: Các doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KH&CN bao gồm các doanh nghiệp hoạt động pháp luật, kế toán, kiểm toán; dịch vụ trụ sở văn phòng, hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quảng cáo và nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác.

+ Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp: Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp là toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

+ Đóng góp vào GDP cả nước: Tỷ trọng GRDP của địa phương trong GDP cả nước.

2.5. Trụ cột 5. Trụ cột Trình độ phát triển của doanh nghiệp gồm 03 nhóm chỉ số, có 9 chỉ số thành phần: đạt **37,68** điểm, xếp thứ hạng **13/63** tỉnh/thành phố; Điểm các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

2.5.1 Chỉ số Lao động kiến thức có 03 chỉ số thành phần:

- (1) *Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động đạt 37,06 điểm;*
- (2) *Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo đạt 42,25 điểm;*
- (3) *Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt 36,59 điểm.*

2.5.2 Chỉ số Liên kết sáng tạo có 03 chỉ số thành phần:

- (1) *Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN đạt 2,96 điểm;*
- (2) *Tỷ lệ dự án đang hoạt động trong các khu công nghiệp đạt 35,88 điểm;*
- (3) *Tỷ lệ các dự án trong các cụm công nghiệp đạt 0,00 điểm.*

5.3. Chỉ số Hấp thu tri thức có 3 chỉ số thành phần:

- (1) *Đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt 55,27 điểm;*
- (2) *Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST đạt 40 điểm;*
- (3) *Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO đạt 89,09 điểm.*

** Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- Điểm mạnh:

+ Có 02/09 chỉ số thành phần đạt điểm số cao: Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO, Đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

- Điểm yếu: Có 07/09 chỉ số thành phần đạt điểm số thấp, cụ thể

+ Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động: Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Dữ liệu của chỉ tiêu Chi phí đào tạo lao động được thu thập từ khảo sát doanh nghiệp, được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.

+ Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo: Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ so sánh số lao động đang làm việc đã qua đào tạo với tổng số lao động đang làm việc trong kỳ.

+ Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D): Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do Tổng cục Thống kê thực hiện, trong đó có điều tra hoạt động R&D tại các doanh nghiệp.

+ Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN: Tổng chỉ nhiệm vụ KH&CN có hợp tác giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp từ NSDP trong tổng chỉ nhiệm vụ KH&CN của địa phương năm 2022.

+ Tỷ lệ dự án đang hoạt động trong các khu công nghiệp: Các dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp bao gồm (i) doanh nghiệp đã đăng ký thành lập mới và đang hoạt động trong các khu công nghiệp ở địa phương; (ii) cơ sở/nhà máy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có trụ sở ở ngoài khu công nghiệp của địa phương đang hoạt động trong các khu công nghiệp của địa phương. Các khu công nghiệp ở địa phương được tính trong chỉ số này bao gồm: (i) khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp mở rộng (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (ii) khu kinh tế, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (iii) khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Luật Công nghệ cao); (iv) khu CNTT tập trung (theo Nghị định 154/2013/NĐ-CP); (v) vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Quyết định 66/2015/QĐ-TTg).

+ Tỷ lệ các dự án trong các cụm công nghiệp: (Các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp có thể thành lập doanh nghiệp mới hoặc là một dự án của doanh nghiệp đang hoạt động ở ngoài cụm hoặc trong cụm (một doanh nghiệp có thể có nhiều dự án đầu tư trong cụm công nghiệp)). Các cụm công nghiệp ở địa phương bao gồm: cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP).

+ Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST: Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do Tổng cục Thống kê thực hiện, trong đó có điều tra hoạt động R&D tại các doanh nghiệp. Câu hỏi điều tra như sau: “Trong năm 2020, Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo nào sau đây? Đổi mới/cải tiến sản phẩm 1. Có, 2. Không; Đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động: 1. Có 2. Không; Đổi mới/cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh 1. Có 2. Không” (Câu A5.3).

2.6. Trụ cột 6. Trụ cột Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ gồm 03 nhóm chỉ số, có 9 chỉ số thành phần: đạt **32,5** điểm, xếp thứ hạng **16/63** tỉnh/thành phố. Điểm các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

2.6.1 Chỉ số Sáng tạo tri thức có 02 chỉ số thành phần:

- (1) Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích đạt 72,48 điểm;
- (2) Đơn đăng ký giống cây trồng đạt 5,2 điểm.

2.6.2 Chỉ số Tài sản vô hình có 04 chỉ số thành phần:

- (1) Đơn đăng ký nhãn hiệu đạt 72,28 điểm;
- (2) Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể đạt 17,1 điểm;
- (3) Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đạt 51,68 điểm;
- (4) Chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận đạt 11,65 điểm.

2.6.3. Chỉ số Lan tỏa tri thức có 03 chỉ số thành phần:

- (1) Số doanh nghiệp mới thành lập đạt 40,44 điểm;

(2) Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN đạt 15,14 điểm.

(3) Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đạt 1,34 điểm.

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:* Có **03/09** chỉ số thành phần đạt mức điểm trung bình: Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích, Đơn đăng ký nhãn hiệu, Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp.

- *Điểm yếu:* Có **06/09** chỉ số thành phần điểm số thấp, gồm:

+ Đơn đăng ký giống cây trồng; Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể; Chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận;

+ Số doanh nghiệp mới thành lập; Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN;

+ Chỉ số Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: phản ánh tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh (*Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*).

2.7. Trụ cột 7. Trụ cột Tác động gồm 03 nhóm chỉ số, có 8 chỉ số thành phần: đạt **55,54** điểm, xếp thứ hạng **16/63** tỉnh/thành phố. Kết quả các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

2.7.1 Chỉ số Tác động đến SXKD có 04 chỉ số thành phần:

(1) *Chỉ số sản xuất công nghiệp đạt 60,53 điểm;*

(2) *Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên đạt 23,29 điểm;*

(3) *Giá trị xuất khẩu đạt 27,57 điểm;*

(4) *Tốc độ tăng năng suất lao động đạt 86,25*

2.7.2 Chỉ số Tác động đến xã hội có 04 chỉ số thành phần:

(1) *Tốc độ giảm nghèo đạt 69,85 điểm;*

(2) *Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 56,15 điểm;*

(3) *Thu nhập bình quân đầu người đạt 44,65 điểm;*

(4) *Chỉ số phát triển con người đạt 76,02 điểm.*

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:* Chỉ số thành phần đạt điểm số cao có 04/8 chỉ số: Chỉ số sản xuất công nghiệp, Tốc độ tăng năng suất lao động, Tốc độ giảm nghèo, Chỉ số phát triển con người.

- *Điểm yếu:* Chỉ số thành phần đạt điểm số thấp có 04/08 chỉ số, gồm:

+ Giá trị xuất khẩu: Trị giá thông kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là trị giá do cơ quan hải quan xây dựng phục vụ cho mục đích thông kê trên cơ sở trị giá khai báo và tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

+ Số lao động có việc làm trong nền kinh tế: Theo Bộ luật lao động Việt Nam, độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi. Lao động có việc làm của địa phương đang có việc làm so với tổng dân số của địa phương trong cùng một năm.

+ Thu nhập bình quân đầu người: Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng được tính bằng cách chia tổng thu nhập trong năm của hộ dân cư cho số nhân khẩu của hộ và chia cho 12 tháng. Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật quy thành tiền sau khi đã trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời gian nhất định, thường là 1 năm.

+ Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên: Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững (Theo QĐ 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022). Các sản phẩm OCOP phải được cấp giấy chứng nhận và còn thời hạn theo quy định. Chỉ tính các sản phẩm đạt 4 sao trở lên.

Căn cứ kết quả đánh giá có thể thấy tỉnh Hưng Yên có các trụ cột được đánh giá ở mức khá như: Các tác động đến sản xuất kinh doanh và kinh tế xã hội (16/63); sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ (16/63); trình độ phát triển của doanh nghiệp (13/63). Tuy nhiên còn có trụ cột ở mức trung bình như: Vốn con người và nghiên cứu phát triển (38/63), cơ sở hạ tầng (32/63), tốc độ phát triển của thị trường (25/63)... Đây là những lĩnh vực tỉnh cần đẩy mạnh phát triển trong thời gian tới. Bên cạnh đó, tỉnh cũng có nhiều cơ hội, tiềm năng để phát triển trong thời gian tới.

PHỤ LỤC 2

Phân công trách nhiệm các sở, ngành, đơn vị nâng cao chỉ số thành phần của Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) Hưng Yên
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
1 -	Thể chế					
	22/63	03 chỉ số	54,41			
1		Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	40,08	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
2		Tính năng động của chính quyền	40,39	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh
3		Chi phí gia nhập thị trường	10,79	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh
2 -	Vốn con người và nghiên cứu và phát triển					
	38/63	06 chỉ số	27,76			
1		Nhân lực nghiên cứu và phát triển (toàn thời gian)	34,66	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Đẩy mạnh tham mưu triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức chủ trì là các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kết nối doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo nghề, khuyến khích doanh nghiệp hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý trường học cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, kết hợp đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, đồng bộ để hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học. Thực

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
						hiện chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng dẫn của Trung ương, của các bộ ngành.
2		Chỉ cho giáo dục và đào tạo	23,69	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo từ ngân sách nhà nước
3		Chỉ cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D)	2,37	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền tăng chi từ ngân sách nhà nước và nguồn xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nâng cao hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.
4		Tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT	36,10	Sở Giáo dục và Đào tạo	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KH&CN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh
5		Tỉ lệ chi cho KH&CN	17,68	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu nguồn kinh phí chi khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương
6		Số tổ chức KH&CN	17,79	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ
3 -	Cơ sở hạ tầng					
	32/63	02 chỉ số	49,42			
1		Cơ sở hạ tầng cơ bản gồm: (i) Hạ tầng khu công nghiệp; (ii) Hạ tầng đường bộ; (iii) Hạ	24,47	(i) Ban quản lý các khu công nghiệp; (ii) Sở Giao thông vận tải (iii) Sở Công	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tham mưu thực hiện nâng cao chỉ số thành phần, chỉ số này do VCCI xây dựng và công bố trong Báo cáo PCI được xây dựng dựa trên kết hợp nguồn thông tin của cơ quan nhà nước và khảo sát doanh nghiệp

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
		tăng điện năng; (iv) Hạ tầng viễn thông; (v) Các loại hạ tầng khác		thương (iv) Sở Thông tin và Truyền thông (v) UBND cấp huyện.		
2		Quản trị môi trường	28,8	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tham mưu nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh
4 -	Trình độ phát triển thị trường					
	35/63	05 chỉ số	35,86			
1		Tín dụng cho khu vực tư nhân	27,77	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hưng Yên, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Hưng Yên, các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh hợp tác xã tỉnh, Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế được vay vốn theo năng lực tài chính và phương án kinh doanh khả thi, mở rộng và đa dạng hóa các kênh tiếp cận tín dụng. Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng áp dụng các quy trình, thủ tục, hồ sơ vay vốn đã được đơn giản hóa nhằm tiết giảm chi phí trong hoạt động của ngân hàng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận vốn tín dụng của khách hàng; tập trung vốn vào lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ, triển khai các chương trình cho vay ưu đãi như: cho vay theo chuỗi giá trị bền vững trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, cho vay xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ,...
2		Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp	35,32			
3		Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp	26,53	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thuế tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tiếp tục thực hiện các chính sách để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp đang hoạt động để nâng cao tiềm lực, quy mô, cải tiến máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất...các chính sách ưu đãi đầu tư, thuế, vay vốn. Điều tra để đánh giá năng lực, trình độ,

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
				Hung Yên; Sở Khoa học và Công nghệ		máy móc, trang thiết bị của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, từ đó đưa ra những giải pháp, kế hoạch giúp các doanh nghiệp giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc còn gặp phải.
4		Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN	14,04	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tổ chức các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; kết nối các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; quản lý, vận hành, khai thác cơ sở hạ tầng của địa phương phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.
5		Đóng góp vào GDP cả nước	26,72	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tiếp tục phát triển các cơ sở hạ tầng. Tăng cường tiếp cận, vận động doanh nghiệp để thu hút các nguồn lực đầu tư gắn với tiềm năng của tỉnh và vùng nguyên liệu như chăn nuôi, sản phẩm gỗ, sản phẩm nông nghiệp... Khuyến khích, giúp đỡ các doanh nghiệp, hợp tác xã kết nối các thị trường lớn, các siêu thị, các đô thị để đưa các sản phẩm của người dân đến người tiêu dùng rộng rãi. Triển khai thực hiện các giải pháp để thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công nhanh, đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; cải cách hành chính và chuyển đổi số mạnh mẽ...
5 -	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ					
	13/63	7 chỉ số	37,68			
1		Tỉ lệ chi phí đào tạo lao động	37,06	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương liên quan	Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và của tỉnh. Tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm người học có kỹ năng chuyên

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
						môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và ngoại ngữ... thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Phối hợp với các trường cao đẳng, trường nghề nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên, trợ giảng.... Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị dạy và học theo hướng sát với thực tế. Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm khuyến khích đầu tư kinh doanh các cơ sở, trung tâm đào tạo nhân lực có kỹ năng phù hợp với thị trường lao động hiện đại, nâng cao tay nghề người lao động. Tăng cường nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp, phối hợp mở các lớp học nghề nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.
2		Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo	42,25	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương liên quan	Hoàn thành mục tiêu, nội dung các chương trình, đề án giáo dục phổ thông và đào tạo nghề cho người lao động
3		Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)	36,59	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu phát triển các doanh nghiệp KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ
4		Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	2,96	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các trường đại học, cao đẳng và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ
5		Tỉ lệ dự án đang hoạt động trong các khu công nghiệp	35,88	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các trường đại học, cao đẳng và các sở, ngành, địa phương	Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp. Khẩn trương đưa các khu công nghiệp được quy hoạch vào hoạt động.

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
					liên quan	
6		Tỉ lệ các dự án trong các cụm công nghiệp	0,00	- Sở Công Thương - UBND các huyện, thành phố	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích thu hút các doanh nghiệp đi vào hoạt động trong các cụm công nghiệp
7		Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	40	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tham mưu triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo
6 -	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ					
	16/63	06 chỉ số	32,5			
1		Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể	17,1	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tăng cường hướng dẫn hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm OCOP và sản phẩm làng nghề có tiềm năng, thế mạnh
2		Chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận	11,65			
3		Đơn đăng ký giống cây trồng	5,2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với giống cây trồng
4		Số doanh nghiệp mới thành lập	40,44	Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Kế hoạch - Tài chính huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Tham mưu đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong thủ tục thành lập doanh nghiệp
5		Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN	15,14	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan	Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp KH&CN
6		Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng	1,34	- Sở Khoa học và Công nghệ;	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các	Tham mưu triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
		tạo		- Sở Kế hoạch và Đầu tư	sở, ngành, địa phương liên quan	
7 -	Tác động					
	16/63	04 chỉ số	55,54			
1		Giá trị xuất khẩu	27,57	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Triển khai các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa hướng đến xuất khẩu; phát triển mặt hàng mới trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế của tỉnh về điều kiện tự nhiên, nhân lực, mặt bằng, công nghệ; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp; khuyến khích đầu tư xây dựng kho, bến bãi, logistics đồng bộ, đáp ứng phát triển công nghiệp; chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm; giới thiệu, quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các hội chợ trong nước và quốc tế. Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu khảo sát tìm kiếm, nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin thị trường, định hướng xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa cho các doanh nghiệp, tăng cường công tác thu thập và phổ biến thông tin về cơ chế chính sách xuất khẩu của các nước, lộ trình cắt giảm thuế quan, dự báo các chiều hướng cung - cầu hàng hóa và dịch vụ.
2		Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	56,15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Thúc đẩy tạo việc làm bền vững, sử dụng lao động hiệu quả thông qua các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động. Dự báo nhu cầu sử dụng lao động, nhu cầu đào tạo nghề nghiệp của doanh nghiệp về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ của lao động trong các doanh nghiệp. Thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.
3		Thu nhập bình quân đầu người	44,65	Sở Lao động - Thương binh và Xã	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên	Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát

TT	Xếp hạng 2023 (Tỉnh/TP)	Chỉ số thành phần có điểm thấp	Điểm số 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần
				hội	quan	triển, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Nâng cao chất lượng hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp; phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý, hỗ trợ phát triển các khu công nghiệp; duy trì, phát triển các làng nghề; làm tốt công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch...Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho nông dân; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.
4		Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên	23,29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới tỉnh Hưng Yên và các sở, ngành, địa phương liên quan	Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có sản phẩm OCOP 3 sao hoàn thiện điều kiện, hồ sơ, thủ tục để được công nhận 4 sao
Tổng		33 chỉ số thành phần				